**MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI**

**I. MỤC TIÊU MÔN HỌC**

**1. Mục tiêu chung**

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội góp phần hình thành, phát triển ở học viên tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương; đức tính chăm chỉ; ý thức bảo vệ sức khoẻ của bản thân, gia đình, cộng đồng; ý thức tiết kiệm, giữ gìn, bảo vệ tài sản; tinh thần trách nhiệm với môi trường sống; các năng lực chung và năng lực khoa học.

**2. Mục tiêu giai đoạn 1**

Môn Tự nhiên và Xã hội nhằm giúp học viên

- Hình thành và phát triển được: tình yêu, tự hào về thiên nhiên, quê hương; yêu quý, quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình, bạn bè, thầy cô và những người khác; đức tính chăm chỉ và trung thực; tinh thần trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và môi trường sống ý thức tiết kiệm, giữ gìn và bảo vệ tài sản.

- Trình bày được ở mức độ đơn giản về một số đặc điểm, vai trò của một số sự vật, hiện tượng, mối quan hệ thường gặp trong môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh như sức khoẻ và sự an toàn trong cuộc sống, mối quan hệ của học sinh với gia đình, nhà trường, cộng đồng và thế giới tự nhiên,… bằng các hình thức biểu đạt khác nhau.

- So sánh, lựa chọn, phân loại được một số sự vật, hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và xã hội theo một số tiêu chí.

- Đặt được các câu hỏi đơn giản và quan sát, thực hành đơn giản để tìm hiểu về một số sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội xung quanh.

- Nhận xét được về những đặc điểm bên ngoài, so sánh sự giống, khác nhau giữa các sự vật, hiện tượng xung quanh và sự thay đổi của chúng theo thời gian một cách đơn giản thông qua kết quả quan sát, thực hành.

- Giải thích được ở mức độ đơn giản một số sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội xung quanh.

- Phân tích được tình huống liên quan đến vấn đề an toàn, sức khoẻ của bản thân, người khác và môi trường sống xung quanh.

- Giải quyết được vấn đề, đưa ra được cách ứng xử phù hợp trong các tình huống có liên quan (ở mức độ đơn giản); trao đổi, chia sẻ với những người xung quanh để cùng thực hiện; nhận xét được cách ứng xử trong mỗi tình huống.

**II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Về phẩm chất**

Môn Tự nhiên và Xã hội hình thành, phát triển ở người học phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**2. Về năng lực**

Môn Tự nhiên và Xã hội hình thành, phát triển ở người học năng lực chung và năng lực đặc thù theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học gồm: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực khoa học

Các thành phần của năng lực khoa học bao gồm nhận thức khoa học, tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

**III. NỘI DUNG GIÁO DỤC**

**1. Nội dung khái quát**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mạch nội dung** | **Kỳ 2** | **Kỳ 3** |
| Chủ đề gia đình | x | x |
| Chủ đề cộng đồng địa phương | x | x |
| Chủ đề thực vật và động vật | x | x |
| Chủ đề con người và sức khỏe | x | x |
| Chủ đề trái đất và bầu trời | x | x |

**2. Phân bổ mạch nội dung theo các kì học**

| **Mạch nội dung theo chủ đề** | **Kỳ 2** | **Kỳ 3** |
| --- | --- | --- |
| ***Gia đình*** | - Thành viên và mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình- Nghề nghiệp của các thành viên trong gia đình- Nhà ở và giữ vệ sinh nhà ở- Đồ dùng trong nhà và sử dụng an toàn một số đồ dùng trong nhà - Sắp xếp đồ dùng trong gia đình gọn gàng, ngăn nắp - Phòng tránh ngộ độc khi ở nhà. | - Các thế hệ trong gia đình- Họ hàng nội, ngoại- Ngày kỉ niệm, sự kiện đáng nhớ của gia đình- Phòng tránh hoả hoạn khi ở nhà- Giữ vệ sinh xung quanh nhà |
| ***Cộng đồng*** ***địa phương*** | - Các thành viên, nhiệm vụ của một số thành viên trong lớp học và hoạt động của người học - Một số hoạt động của người dân trong cộng đồng- An toàn khi tham gia giao thông | - Hoạt động kết nối với xã hội- Một số hoạt động sản xuất - Một số di tích văn hoá, lịch sử và cảnh quan thiên nhiên- Giữ an toàn và vệ sinh khi tham gia một số hoạt động ở cộng đồng |
| ***Thực vật và*** ***động vật*** | - Chăm sóc, bảo vệ cây trồng, vật nuôi và môi trường sống của thực vật, động vật  | - Các bộ phận của thực vật, động vật và chức năng của các bộ phận đó - Sử dụng hợp lí thực vật và động vật  |
| ***Con người và******sức khoẻ*** | - Các bộ phận bên ngoài và giác quan của cơ thể - Chăm sóc, bảo vệ cơ thể khoẻ mạnh và an toàn  | - Một số cơ quan bên trong cơ thể: vận động, hô hấp, bài tiết nước tiểu, tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh- Chăm sóc và bảo vệ các cơ quan trong cơ thể  |
| ***Trái Đất và bầu trời*** | - Thời tiết - Các mùa trong năm- Một số thiên tai thường gặp  | - Phương hướng - Một số đặc điểm của Trái Đất- Trái Đất trong hệ Mặt Trời |

**3. Nội dung và yêu cầu cần đạt cụ thể của từng kì học**

**KỲ 2**

| **Nội dung chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** |
| --- | --- |
| GIA ĐÌNH |  |
| Thành viên và mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình | - Giới thiệu được bản thân và các thành viên trong gia đình. - Nêu được ví dụ về bản thân và các thành viên trong gia đình làm công việc nhà và chia sẻ thời gian nghỉ ngơi, vui chơi cùng nhau.- Thể hiện được tình cảm và cách ứng xử phù hợp với các thành viên trong gia đình. |
| Nghề nghiệp của các thành viên trong gia đình | - Nêu được tên công việc, nghề nghiệp của các thành viên trong gia đình và ý nghĩa của những công việc, nghề nghiệp đó đối với gia đình và xã hội.- Thu thập được một số thông tin về những công việc, nghề có thu nhập, những công việc tình nguyện không nhận lương. - Chia sẻ được với các bạn, người thân về công việc, nghề nghiệp yêu thích/nghề nghiệp của mình. |
| Nhà ở, đồ dùng trong nhà; sử dụng an toàn một số đồ dùng trong nhà | - Nêu được một số đặc điểm của nhà ở hoặc nơi gia đình đang sống.- Kể được tên/Liệt kê được những đồ dùng, thiết bị trong nhà nếu sử dụng không cẩn thận có thể làm bản thân hoặc người khác gặp nguy hiểm; - Đề xuất và thực hiện được việc sử dụng an toàn một số đồ dùng trong gia đình và lựa chọn được cách xử lí tình huống khi bản thân hoặc người nhà có nguy cơ bị thương hoặc đã bị thương do sử dụng một số đồ dùng không cẩn thận.  |
| Giữ vệ sinh nhà ở | - Giải thích được tại sao phải sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp và giữ sạch nhà ở.- Đề xuất và thực hiện được các việc làm để giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ. |
| Phòng tránh ngộ độc khi ở nhà | - Thu thập được một số thông tin về đồ dùng và thức ăn, đồ uống nếu không được cất giữ, bảo quản cẩn thận có thể gây ngộ độc.- Đề xuất và thực hiện được những việc làm để phòng tránh ngộ độc.- Đưa ra được cách xử lí tình huống khi bản thân hoặc người nhà bị ngộ độc. |
| CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG |  |
| Các thành viên, nhiệm vụ của một số thành viên trong lớp học và hoạt động của người học | - Xác định được các thành viên trong lớp học và nhiệm vụ của một số thành viên. - Kể được tên các hoạt động chính trong lớp học; nêu được cảm nhận của bản thân khi tham gia các hoạt động đó.- Thể hiện được tình cảm và cách ứng xử phù hợp với bạn bè, giáo viên và các thành viên khác trong nhà trường. |
| Một số hoạt động của người dân trong cộng đồng | - Nêu được một số công việc của người dân trong cộng đồng và đóng góp của công việc đó cho xã hội.- Thực hiện được một số việc làm để đóng góp cho cộng đồng địa phương.- Giới thiệu được tên, thời gian diễn ra một lễ hội truyền thống ở địa phương và nêu được cảm xúc khi tham gia lễ hội đó.- Kể được một số công việc của các thành viên trong gia đình, người dân cho lễ hội đó.- Nêu được cách mua, bán hàng hoá trong cửa hàng, chợ, siêu thị hoặc trung tâm thương mại và lí do vì sao phải lựa chọn hàng hoá trước khi mua.  |
| An toàn khi tham gia giao thông | - Phân biệt được một số loại biển báo giao thông (biển báo chỉ dẫn; biển báo cấm; biển báo nguy hiểm) và đèn hiệu giao thông.- Nêu được quy định khi đi trên một số phương tiện giao thông (ví dụ: xe máy, xe buýt, đò, thuyền,...) và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện.- Dự đoán được một số tình huống nguy hiểm, các rủi ro có thể xảy ra trên đường và nêu được cách phòng tránh.  |
| THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT |  |
| Chăm sóc, bảo vệ cây trồng, vật nuôi và môi trường sống của thực vật, động vật | - Tìm hiểu, phân loại được một số thực vật, động vật có ở xung quanh và mô tả được môi trường sống của chúng. - Nêu và cùng gia đình thực hiện được một số việc để chăm sóc, bảo vệ cây trồng, vật nuôi. - Có ý thức giữ an toàn cho bản thân khi tiếp xúc với một số cây, con vật và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện.  |
| - Thu thập được thông tin về một số việc làm của con người có thể làm thay đổi môi trường sống của thực vật, động vật. - Giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật.- Nêu và thực hiện được những việc làm để bảo vệ, hạn chế sự thay đổi môi trường sống của thực vật, động vật và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện. |
| CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ |  |
| Các bộ phận bên ngoài và giác quan của cơ thể | - Nêu được tên, chức năng của các bộ phận bên ngoài cơ thể và các giác quan.- Giải thích được tại sao cần phải chăm sóc, bảo vệ cơ thể và các giác quan. |
| Giữ cho cơ thể khoẻ mạnh và an toàn | - Nêu và thực hiện được việc cần làm để giữ vệ sinh, bảo vệ cơ thể và các giác quan trong cuộc sống hằng ngày.- Nêu được số bữa cần ăn trong ngày và tên một số thức ăn, đồ uống giúp cho cơ thể khoẻ mạnh và an toàn; tự nhận xét được thói quen ăn uống của bản thân. - Xác định được các hoạt động vận động và nghỉ ngơi có lợi cho sức khoẻ; liên hệ với những hoạt động hằng ngày của bản thân. - Dự đoán được một số tình huống có nguy cơ không an toàn cho bản thân và biết được cách phòng tránh. |
| TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI |  |
| Thời tiết và các mùa trong năm | - Mô tả được một số hiện tượng thời tiết: nắng, mưa, nóng, lạnh, gió,...- Nêu được sự cần thiết phải theo dõi dự báo thời tiết hằng ngày.- Có ý thức bảo vệ mắt, không nhìn trực tiếp vào Mặt Trời và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện.- Nêu được tên và một số đặc điểm của các mùa trong năm (ví dụ: mùa xuân, mùa hè, mùa thu, mùa đông; mùa mưa và mùa khô).- Lựa chọn và thực hiện được sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết để giữ cơ thể khoẻ mạnh. |
| Một số thiên tai thường gặp | - Nhận biết và mô tả được một số hiện tượng thiên tai (ví dụ: bão, lũ, lụt, giông sét, hạn hán,...).- Thu thập được thông tin về một số rủi ro dẫn đến các thiệt hại về tính mạng con người và tài sản do thiên tai gây ra. - Nêu và biết được cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai thường xảy ra ở địa phương. - Chia sẻ với những người xung quanh và cùng thực hiện phòng tránh rủi ro thiên tai.  |

**KỲ 3**

| **Nội dung**  | **Yêu cầu cần đạt** |
| --- | --- |
| GIA ĐÌNH |  |
| Các thế hệ trong gia đình | - Nêu được các thành viên trong gia đình hai thế hệ, ba thế hệ và (hoặc) bốn thế hệ.- Trình bày được sơ đồ các thế hệ của gia đình mình theo mẫu. - Nói được sự cần thiết của việc chia sẻ, dành thời gian quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau giữa các thế hệ trong gia đình. - Thể hiện được sự quan tâm, chăm sóc yêu thương của bản thân với các thế hệ trong gia đình. |
| Họ hàng nội, ngoại | - Nêu được mối quan hệ và cách xưng hô với các thành viên trong gia đình thuộc họ hàng nội, ngoại.- Trình bày được sơ đồ gia đình và họ hàng nội, ngoại theo mẫu. - Bày tỏ được tình cảm, sự gắn bó của bản thân với họ hàng nội, ngoại. |
| Ngày kỉ niệm, sự kiện đáng nhớ của gia đình | - Nêu được tên một số ngày kỉ niệm hay sự kiện quan trọng của gia đình và thông tin có liên quan đến những sự kiện đó (ví dụ: một chuyến đi dã ngoại, du lịch đáng nhớ của cả gia đình; thay đổi nơi ở, nơi học, công việc của thành viên gia đình,...).- Vẽ được đường thời gian theo thứ tự các sự kiện lớn, các mốc quan trọng đã xảy ra trong gia đình.- Nhận xét được sự thay đổi của gia đình theo thời gian qua một số ví dụ.  |
| Phòng tránh hoả hoạn khi ở nhà | - Nêu được một số nguyên nhân dẫn đến cháy nhà và nêu được những thiệt hại có thể xảy ra (về người, tài sản,...) do hoả hoạn.- Đưa ra được cách ứng xử phù hợp trong tình huống có cháy xảy ra; Nhận xét về những cách ứng xử đó.- Thực hành ứng xử trong tình huống giả định khi có cháy xảy ra.- Điều tra, phát hiện được những thứ có thể gây cháy trong nhà và thực hiện được biện pháp để phòng cháy. |
| Giữ vệ sinh xung quanh nhà | - Kể tên và làm được một số việc phù hợp để giữ vệ sinh xung quanh nhà.- Giải thích được một cách đơn giản tại sao cần phải giữ vệ sinh xung quanh nhà. |
| CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG |  |
| Hoạt động kết nối với xã hội | - Nêu được tên và ý nghĩa một đến hai hoạt động kết nối với xã hội (ví dụ: hoạt động bảo vệ môi trường, hoạt động truyền thông về an toàn giao thông, hoạt động ủng hộ đồng bào bị thiên tai,...) và mô tả được hoạt động đó. - Nhận xét được về sự tham gia của học viên trong các hoạt động.- Có ý thức giữ gìn và thực hiện giữ vệ sinh khi tham gia hoạt động. |
| Một số hoạt động sản xuất | - Trình bày, giới thiệu được một số hoạt động sản xuất, sản phẩm của địa phương dựa trên các thông tin, tranh ảnh, vật thật,... sưu tầm được. - Chia sẻ được với những người xung quanh về sự cần thiết phải tiêu dùng tiết kiệm, bảo vệ môi trường. |
| Di tích văn hoá, lịch sử và cảnh quan thiên nhiên | - Giới thiệu được (bằng lời hoặc kết hợp lời nói với hình ảnh) một di tích lịch sử, văn hoá hoặc cảnh quan thiên nhiên ở địa phương.- Thể hiện sự tôn trọng và có ý thức giữ vệ sinh khi đi tham quan di tích văn hoá, lịch sử hoặc cảnh quan thiên nhiên.  |
| THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT |  |
| Chức năng của các bộ phận của thực vật và động vật | - Trình bày được chức năng của các bộ phận của thực vật và động vật. - Phân loại được thực vật và động vật dựa trên một số tiêu chí (ví dụ: đặc điểm của thân, rễ, lá,...; đặc điểm cơ quan di chuyển,..). |
| Sử dụng hợp lí thực vật và động vật | - Thu thập thông tin, nhận xét về cách sử dụng thực vật và động vật của gia đình và cộng đồng địa phương.- Đề xuất cách sử dụng thực vật và động vật hợp lí. Chia sẻ với những người xung quanh để cùng thực hiện. |
| CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ |  |
| Một số cơ quan bên trong cơ thể: vận động, hô hấp, bài tiết nước tiểu, tiêu hóa, tuần hoàn, thần kinh | - Nhận biết được các bộ phận chính của các cơ quan vận động, hô hấp, bài tiết nước tiểu, tiêu hóa, tuần hoàn, thần kinh trên sơ đồ, tranh ảnh. - Nêu được chức năng của các cơ quan trên qua hoạt động hằng ngày của bản thân. |
| Chăm sóc, bảo vệ các cơ quan trong cơ thể | - Nhận biết và thực hiện được đi, đứng, ngồi, mang cặp đúng tư thế để phòng tránh cong vẹo cột sống. - Nêu được ích lợi và thực hiện được việc hít vào, thở ra đúng cách và tránh xa nơi có khói bụi để bảo vệ cơ quan hô hấp.- Nêu được ích lợi và thực hiện được việc uống đủ nước, không nhịn tiểu để phòng tránh bệnh sỏi thận. - Nêu được một số ví dụ về mối quan hệ với gia đình hoặc bạn bè có ảnh hưởng tốt hoặc xấu đến trạng thái cảm xúc (hoặc sức khoẻ tinh thần) của mỗi người. - Thu thập được thông tin về một số thức ăn, đồ uống, chất, hoạt động có lợi hoặc gây hại đối với một số cơ quan.- Trình bày và thực hiện được một số việc cần làm hoặc cần tránh để giữ gìn, bảo vệ các cơ quan đó.* Xây dựng và thực hiện được thời gian biểu phù hợp để có được thói quen học tập, làm việc, ăn uống, nghỉ ngơi điều độ và ngủ đủ giấc.
 |
| TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI |  |
| Phương hướng | * Kể được bốn phương chính trong không gian theo quy ước.
* Thực hành xác định được các phương chính dựa trên phương Mặt Trời mọc, lặn hoặc sử dụng la bàn.
 |
| Một số đặc điểm của Trái Đất | - Chỉ được cực Bắc, cực Nam, đường Xích đạo, bán cầu Bắc, bán cầu Nam và các đới khí hậu trên quả địa cầu. - Trình bày được một vài hoạt động tiêu biểu của con người ở từng đới khí hậu.- Tìm và nói được tên các châu lục và các đại dương trên quả địa cầu. Chỉ được vị trí của Việt Nam trên quả địa cầu. - Nêu được một số dạng địa hình của Trái Đất: đồng bằng, đồi, núi, cao nguyên; sông, hồ; biển, đại dương dựa vào tranh ảnh và (hoặc) video.- Xác định được nơi học viên đang sống thuộc dạng địa hình nào. |
| Trái Đất trong hệ Mặt Trời | - Chỉ và nói được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời trên sơ đồ, tranh ảnh.- Chỉ và trình bày được chiều chuyển động của Trái Đất quanh mình nó và quanh Mặt Trời trên sơ đồ và (hoặc) mô hình. - Giải thích được ở mức độ đơn giản hiện tượng ngày và đêm, qua sử dụng mô hình hoặc video. - Chỉ được chiều chuyển động của Mặt Trăng quanh Trái Đất trên sơ đồ và (hoặc) mô hình.- Nêu được Trái Đất là một hành tinh trong hệ Mặt Trời, Mặt Trăng là vệ tinh của Trái Đất. |

**IV. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC**

1. Phương pháp giáo dục

*1.1. Định hướng chung*

Phương pháp giáo dục môn Tự nhiên và Xã hội được thực hiện theo các định hướng sau:

- Dạy học gắn với thực tiễn, khai thác những kiến thức, kinh nghiệm của học viên về cuộc sống xung quanh; phát huy trí tò mò khoa học, hướng đến sự phát triển các mối quan hệ tích cực của học viên với môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh; hướng dẫn học viên cách đặt câu hỏi, cách thu thập thông tin và tìm kiếm các bằng chứng, cách sử dụng các thông tin, bằng chứng thu thập được để đưa ra những nhận xét, kết luận mang tính khách quan, khoa học.

- Tổ chức cho học viên học thông qua quan sát. Đối tượng quan sát là các sự vật, hiện tượng tự nhiên và xã hội từ tranh ảnh, vật thật, video, môi trường xung quanh. Hoạt động quan sát nhằm phát triển ở học viên các kĩ năng nhận xét, so sánh, phân loại, phân tích, suy luận, khái quát hoá những gì đã quan sát được.

- Tổ chức cho học viên học thông qua trải nghiệm. Học viên thực hiện các hoạt động điều tra, khám phá, vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống xung quanh, qua đó, học cách giải quyết một số vấn đề thường gặp; ứng xử phù hợp với sức khoẻ, sự an toàn của bản thân và những người xung quanh; bảo vệ môi trường sống.

- Tổ chức cho học viên học thông qua tương tác. Học viên thực hiện các hoạt động thảo luận, thực hành, xử lí tình huống thực tiễn,… để hình thành, phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, giao tiếp và sự tự tin.

- Lựa chọn, phối hợp, vận dụng các phương pháp giáo dục một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể.

*1.2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung*

- Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu

Phẩm chất học viên được hình thành, phát triển nhờ tương tác, trải nghiệm trong các hoạt động học tập đa dạng ở trường và tham gia các hoạt động trong môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh.

- Phương pháp hình thành, phát triển các năng lực chung

+ Để góp phần hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học ở học viên, giáo viên đưa ra các nhiệm vụ học tập như quan sát, đọc thông tin trong sách, khai thác các nguồn tư liệu bổ trợ, … và các câu hỏi hợp lí, giúp học viên tích cực, chủ động, biết cách học độc lập.

+ Để góp phần hình thành và phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác ở học viên, giáo viên tổ chức các hoạt động học tập theo nhóm hoặc cả lớp; yêu cầu học viên trao đổi chia sẻ thông tin đã thu thập được hoặc nội dung bài học và cùng nhau hợp tác để hoàn thành sản phẩm học tập chung; tạo điều kiện để học viên nhận xét, góp ý cho các sản phẩm học tập của học viên khác, nhóm khác.

+ Để góp phần hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo ở học viên, giáo viên thiết kế các tình huống có vấn đề để tạo điều kiện cho học viên tham gia tích cực vào giải quyết vấn đề của bài học, giáo viên sử dụng các câu hỏi, bài tập, tình huống có nội dung thực tiễn, tạo điều kiện cho học viên vận dụng phối hợp kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tế cuộc sống; các câu hỏi mở, bài tập có nhiều cách giải hoặc các nhiệm vụ học tập đòi hỏi sự sáng tạo; các câu hỏi, nhiệm vụ học tập phân hoá cho các nhóm đối tượng học viên.

***1.3. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển năng lực khoa học***

- Để hình thành và phát triển thành phần năng lực nhận thức khoa học, giáo viên tạo cho học viên cơ hội huy động những hiểu biết, kinh nghiệm sẵn có để tham gia hình thành kiến thức mới; tổ chức các hoạt động trong đó học viên được trình bày hiểu biết của mình, so sánh, phân loại các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội, giải thích một số mối quan hệ trong gia đình, cộng đồng và trong tự nhiên; hệ thống hoá kiến thức, kết nối được kiến thức mới với hệ thống kiến thức đã có.

- Để hình thành và phát triển thành phần năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội, giáo viên cần chú ý tạo cơ hội để học viên được đề xuất những câu hỏi, phát hiện vấn đề cần tìm hiểu và tích cực tham gia giải quyết vấn đề. Chú trọng cho học viên quan sát, đọc tài liệu, thực hiện điều tra, thực hành để tìm hiểu các sự vật, hiện tượng, các mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội xung quanh; thu thập và ghi lại các dữ liệu từ quan sát, thực hành; nhận xét về những đặc điểm bên ngoài, so sánh sự giống, khác nhau giữa các sự vật, hiện tượng xung quanh và sự thay đổi của chúng theo thời gian.

- Để hình thành và phát triển thành phần năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người, xã hội, giáo viên sử dụng những câu hỏi, bài tập đòi hỏi học viên phải vận dụng các kiến thức, kĩ năng,... đã học để giải quyết các nhiệm vụ học tập trong bối cảnh, tình huống mới gắn với thực tế cuộc sống, vừa sức với học viên,…

2. Đánh giá kết quả giáo dục

Đánh giá kết quả giáo dục môn Tự nhiên và Xã hội được thực hiện theo các yêu cầu sau:

- Mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình môn Tự nhiên và Xã hội và sự tiến bộ của học viên để điều chỉnh hoạt động dạy của giáo viên và người quản lí, đồng thời khuyến khích học viên phát huy điểm mạnh, chăm chỉ học tập, tìm hiểu, khám phá các vấn đề có liên quan.

- Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong Chương trình. Bên cạnh đánh giá kiến thức, kĩ năng, tăng cường đánh giá thái độ của học viên trong học tập; Đặc biệt coi trọng đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tế đời sống.

- Kết hợp giữa đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; giữa đánh giá định tính và định lượng; giữa đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của học viên.

- Đánh giá tổng kết được thực hiện nhằm xác định mức độ học sinh đạt được các yêu cầu của chương trình môn học sau khi học xong các chủ đề. Kết quả đánh giá tổng kết được ghi bằng điểm số kết hợp với nhận xét của giáo viên.

- Sử dụng các phương pháp, công cụ đánh giá khác nhau như đánh giá thông qua trả lời miệng, bài viết (bài tự luận, bài trắc nghiệm khách quan, bài thu hoạch tham quan, báo cáo kết quả sưu tầm,...); đánh giá thông qua quan sát (quan sát học viên thực hiện các nhiệm vụ thực hành, thảo luận nhóm, học ngoài thực địa, tham quan,… bằng cách sử dụng bảng quan sát, bảng kiểm, hồ sơ học tập,...); đánh giá qua các sản phẩm thực hành của học viên;…

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Giải thích thuật ngữ

Trong văn bản Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội chỉ giải thích thuật ngữ thể hiện mức độ của các yêu cầu cần đạt với người học. Một số động từ được sử dụng ở các mức độ khác nhau nhưng trong mỗi trường hợp thể hiện một hành động có đối tượng và yêu cầu cụ thể. Trong bảng dưới đây, đối tượng, yêu cầu cụ thể của mỗi hành động được chỉ dẫn bằng các từ ngữ khác nhau đặt trong ngoặc đơn.

 Trong quá trình dạy học, đặc biệt là khi đặt câu hỏi thảo luận, ra đề kiểm tra đánh giá, giáo viên có thể dùng những động từ nêu trong bảng dưới đây hoặc thay thế bằng các động từ có nghĩa tương đương cho phù hợp với tình huống sư phạm và nhiệm vụ cụ thể giao cho học viên.

| **Mức độ** | **Động từ mô tả mức độ** |
| --- | --- |
| ***Biết*** | Nêu được (công việc của người dân trong cộng đồng và đóng góp của công việc đó cho xã hội;...); kể được (tên các hoạt động chính trong lớp học...). |
| Nhận biết được (tên gọi, chức năng các bộ phận bên ngoài và các giác quan của cơ thể;...); xác định được (các hoạt động vận động và nghỉ ngơi có lợi cho sức khoẻ; một số tình huống nguy hiểm, rủi ro có thể xảy ra trong khi tham gia các hoạt động và cách phòng tránh;...). |
| ***Hiểu***  | Mô tả được (một số hiện tượng thiên tai;...); vẽ được(đường thời gian theo thứ tự các sự kiện lớn, các mốc quan trọng đã xảy ra trong gia đình;...), |
| Trình bày được (một số việc cần làm hoặc cần tránh để giữ gìn, bảo vệ cơ quan tiêu hoá, cơ quan tuần hoàn và thần kinh;...); nêu được ví dụ(về việc sử dụng thực vật và động vật trong đời sống hằng ngày;...). |
| phân loại được (thực vật dựa trên một số tiêu chí. Ví dụ: đặc điểm của thân, rễ, lá,...). |
| ***Vận dụng*** | Nhận xét được (sự thay đổi của gia đình theo thời gian qua một số ví dụ;...); đặt được câu hỏi (về tên, nơi sống của thực vật ở xung quanh,...). |
| Giải thích được (một cách đơn giản tại sao cần phải giữ vệ sinh xung quanh nhà;...); thực hiện được (sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết để giữ gìn sức khỏe; một số việc làm để đóng góp cho cộng đồng địa phương;… ). |
| Đưa ra được (cách xử lí tình huống khi học viên hoặc người nhà bị ngộ độc; cách ứng xử phù hợp trong tình huống giả định có cháy xảy ra; nhận xét về những cách ứng xử đó;...); đề xuất (cách sử dụng thực vật và động vật hợp lí;...). |

2. Thời lượng thực hiện Chương trình

Thời lượng thực hiện chương trình mỗi kì là 65 tiết. Ước lượng tỷ lệ % số tiết dành cho các chủ đề ở mỗi kì như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Kỳ 2** | **Kỳ 3** |
| Gia đình | 15% | 12% |
| Cộng đồng địa phương | 20% | 20% |
| Thực vật và động vật | 20% | 17% |
| Con người và sức khoẻ | 22% | 26% |
| Trái Đất và bầu trời | 13% | 15% |
| Đánh giá định kì | 10% | 10% |

3. Thiết bị dạy học

Thiết bị dạy học của môn Tự nhiên và Xã hội gồm các thiết bị dùng để thực hành theo nhóm, cá nhân :

- Quả địa cầu.

- Bộ tranh rời về: các cơ quan vận động, hô hấp, bài tiết, tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh.

Ngoài ra, cần khai thác môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh trong dạy học; kết hợp sử dụng những thiết bị dạy học được cung cấp với đồ dùng dạy học do giáo viên và học viên tự làm.